

# Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học công lập trong bối cảnh mới

Phạm Anh Tuyết\*, Đào Lan Anh\*\*, Nguyễn Thị Liên\*\*, Nguyễn Thị Thu\*\*

\*ThS. Trường Đại học Công nghệ Đông Á

\*\*ThS. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 27/4/2023; Accepted: 7/5/2023; Published: 12/5/2023

**Abstract:** Scientific research is the basic task of university lecturers in general and lecturers at public universities in particular. In order to realize the Party's viewpoints and policies on the development and application of science and technology universities and colleges must organize and mobilize many forces, in which young teaching staff are considered as the next and future source of resources. is a force converging all qualities in terms of qualifications, qualities and capabilities, especially with basic training, always promoting the dynamism, creativity and enthusiasm of the youth, and at the same time is also an important force. contribute to the innovation and improvement of the quality of education, training and scientific and technological research and development of universities and colleges (universities and colleges).

**Keywords:** Lecturer, qualified PhD student, Scientific research, university.

## 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là chức năng, hoạt động cơ bản của người giảng viên (GV) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo tại trường đại học (TĐH). Mục đích hoạt động NCKH của GV là khám phá bản chất, quy luật của các ngành khoa học, trên cơ sở đó tạo ra hệ thống tri thức ứng dụng chúng vào thực tiễn hoạt động giảng dạy trong các TĐH. NCKH của GV ở các TĐH có thể được tiến hành ở 3 cấp độ cơ bản là: mô tả, giải thích và phát hiện các vấn đề mới trong các chuyên ngành giảng dạy. Hoạt động NCKH của GV nhằm thỏa mãn nhu cầu khám phá bản chất quy luật của mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy, hoạt động đó luôn diễn ra một cách có ý thức với sự nỗ lực cố gắng rất cao của GV và sự giám sát, giao nhiệm vụ của khoa/bộ môn nơi GV công tác.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Lợi ích cơ bản khi GV tham gia hoạt động NCKH

Bối cảnh hiện nay, khi mà thế giới đang trở nên “phẳng” hơn thì vai trò của các TĐH và chất lượng giáo dục tại các TĐH càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Với chức năng giảng dạy, đại học đào tạo những chuyên gia có kỹ năng (KN) cao và có văn hóa; với chức năng nghiên cứu, TĐH là trung tâm sáng tạo ra tri thức mới và chuyển giao công nghệ cho nền kinh tế, do đó, cũng có thể xem các TĐH là một phương tiện nối kết công dân trong một xã hội.

Hiện nay, bất cứ một TĐH nào cũng đều có hai

nhiệm vụ chính và quan trọng nhất đó chính là: đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH). Đây là hai hoạt động có mối quan hệ hữu cơ, hai nhiệm vụ cơ bản chiến lược của nhà trường, trong đó việc GV nhà trường tích cực tham gia các hoạt động NCKH là một trong những biện pháp quan trọng - bắt buộc - cần thiết để hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng khắt khe của xã hội.

Một cách khái quát nhất, GV tại các TĐH có hai chức năng quan trọng, có tính chất cơ bản, đó là: giảng dạy và NCKH. Thực tiễn và lý luận đều chứng minh một cách rõ ràng rằng, NCKH và giảng dạy có mối quan hệ hữu cơ với nhau, gắn kết chặt chẽ với nhau và hỗ trợ cho nhau. NCKH tạo cơ sở, điều kiện, tiền đề nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy ở trên lớp. Ngược lại, công tác giảng dạy phản ánh kết quả của hoạt động NCKH. Việc NCKH lâu nay luôn được các trường đề cao, chú trọng, đặt ra như một nhiệm vụ bắt buộc, thường xuyên và là một tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu để đánh giá khả năng toàn diện của GV. Mặc dù vậy, trong thời gian qua, tại các TĐH, hoạt động NCKH của đội ngũ GV vẫn còn khá “tê liệt”, thậm chí còn “quên”, chưa được quan tâm đúng mức, chưa ngang tầm với nhiệm vụ chuyên môn của GV.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê: “hiện có 56.000 cán bộ giảng dạy ở các TĐH, cao đẳng nhưng chỉ có khoảng 1.100 GV (3%) tham gia NCKH và rất ít GV tham gia nghiên cứu”(1). Hay như tại Đại học

Quốc gia TP.HCM, một trong 2 đại học được xem hàng đầu ở Việt Nam, tình hình cũng không mấy khả quan. Trong giai đoạn từ 2006 - 2010, đại học này có 2.300 bài báo khoa học được công bố, trong đó 720 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học thế giới với chỉ số ảnh hưởng trung bình là 1.8. Nguồn kinh phí thu được từ hoạt động chuyển giao công nghệ là 344,5 tỉ đồng(2), chỉ tăng 1,25 lần so với 5 năm trước đó. Tất cả những điều này thực sự là tiếng chuông báo động về sự thiếu nhiệt huyết, mặn mà của GV đối với các hoạt động NCKH.

Tại các TĐH, vấn đề nâng cao chất lượng dạy và học là những yếu tố quan trọng, có sự tác động lớn đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Để đánh giá khả năng lao động chuyên môn, tư duy lý luận và nhận thức thực tiễn của GV tại TĐH, nhất thiết phải kết hợp tốt hoạt động NCKH của GV với hoạt động giảng dạy. Chúng ta đều biết và nhận thức được rằng, NCKH đặc biệt quan trọng trong giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng. Trong công tác đào tạo đại học ở nước ta hiện nay, NCKH được xem là một “mắt xích” quan trọng không thể thiếu được trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội. NCKH tạo điều kiện cho GV tìm ra phương pháp giảng dạy có hiệu quả nhất.

Đề thích ứng hơn trong giai đoạn hội nhập và phát triển như hiện nay, việc tham gia vào những hoạt động NCKH sẽ có những lợi ích cơ bản như sau:

*Thứ nhất:* NCKH giúp GV có điều kiện đào sâu hơn, nắm bắt chặt chẽ hơn kiến thức chuyên môn mà mình đang trực tiếp giảng dạy, kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung kiến thức chưa chuẩn xác trong bài giảng của mình. Người GV tham gia NCKH một mặt vừa củng cố lại kiến thức chuyên môn của mình, mặt khác vừa có điều kiện mở rộng, hiểu biết nhiều hơn từ những kiến thức từ các chuyên ngành khác;

*Thứ hai:* Quá trình tham gia NCKH sẽ góp phần phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức và các phương pháp nhận thức khoa học của GV. đồng thời hình thành ở GV những phẩm chất của nhà nghiên cứu. Chúng ta đều biết rằng, trong quá trình tham gia NCKH, GV có thể là thành viên hoặc là chủ nhiệm của một đề tài các cấp. Trong quá trình thực hiện đề tài, tư bản thân GV sẽ nảy sinh ra nhiều hướng giải quyết khác nhau. Quá trình này sẽ giúp chính bản thân GV rèn luyện và phát triển thêm tư duy độc lập, “tư duy phản biện”, biết bảo vệ lập trường khoa học của mình. Cũng trong quá trình thực hiện, triển khai đề tài, tư

bản thân GV sẽ phát triển và hoàn thiện hơn các KN cần thiết cho việc giảng dạy và nghiên cứu. Thiết nghĩ, đó là những phẩm nhất mà một GV chuyên nghiệp trong bối cảnh số hóa cần nên phải có.

*Thứ ba:* Quá trình tham gia các hoạt động NCKH cũng đồng thời là quá trình giúp GV tự “update” thông tin, kiến thức một cách thực sự hiệu quả. Hơn nữa, NCKH giúp cho GV “ngỡ” thêm lượng kiến thức mới từ những nguồn khác nhau để đánh giá và hoàn thiện lại những kiến thức của chính bản thân mình. Với một số hình thức có thể triển khai như: thông qua các diễn đàn trao đổi học thuật, tranh luận các vấn đề có tính chất “mở”, hội nghị khoa học GV, báo cáo của các chuyên gia... qua các hoạt động này, GV sẽ tìm tòi, phát hiện ra được những vấn đề còn khúc mắc để có thể nhờ đến sự tư vấn của đồng nghiệp, hoặc nhờ các chuyên gia am tường về lĩnh vực này.

## **2.2. Thực trạng KN nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên trẻ (GVT) ở các TĐH, cao đẳng**

Những năm qua, các trường ĐH, CĐ luôn coi giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ chủ yếu của người GV, việc tham gia NCKH không chỉ là trách nhiệm mà còn góp phần khẳng định uy tín, năng lực của người GV, trong đó có đội ngũ GVT. Tuy nhiên, trên thực tế việc bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT còn chưa thường xuyên, qua nghiên cứu, khảo sát, có hàng trăm GV trình độ sau đại học nhưng số công trình NCKH được công bố trong nước và quốc tế còn hạn chế và thời gian dành cho NCKH còn ít, mặc dù đã có quy chế phân bổ thời gian NCKH cho các GV. Theo thống kê hiện nay, tại các TĐH, cao đẳng lực lượng nghiên cứu trẻ chiếm đa số (dưới 40 tuổi chiếm khoảng 35-40%), lực lượng này chủ yếu có trình độ đại học (chiếm 45-50%), trình độ tiến sĩ chỉ chiếm khoảng 10-15% và thời gian dành cho NCKH rất ít, điều đó phản ánh trong đội ngũ GVT, một số chưa nhận thức đầy đủ, chưa thấy hết trách nhiệm của mình khi tham gia các hoạt động NCKH, đặc biệt là một số còn thiếu những KN nghiên cứu cơ bản; đối với từng công trình, sản phẩm cụ thể, nhất là các lĩnh vực mang tính chuyên biệt cao chưa sát với đối tượng nghiên cứu; kết quả của một số công trình nghiên cứu chưa có tính ứng dụng thực tiễn cao để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và uy tín, vị thế của mỗi trường

## **2.3. Giải pháp nâng cao KN nghiên cứu của GV các TĐH công lập**

### **2.3.1. Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về**

vai trò, tầm quan trọng của NCKH trong các TĐH, cao đẳng cho đội ngũ GVT

NCKH của đội ngũ GVT là quá trình lao động công phu, nghiêm túc mang tính tích cực, chủ động, sáng tạo, đòi hỏi phải tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động NCKH, bồi dưỡng và NCKH là hai nhiệm vụ chính của GV. Hoạt động này có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi trường ĐH, CĐ, thông qua đó mỗi GVT không những tiếp thu được thông tin mới mà còn được tiếp cận với những phương pháp, tư duy mới để chủ động sáng tạo và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kết hợp với hoạt động nghiên cứu là một quá trình tự học hỏi, rèn luyện KN nghiên cứu. Vì vậy, đội ngũ GVT phải nâng cao nhận thức, tích cực tham gia NCKH để mở rộng, đào sâu củng cố kiến thức chuyên môn từ đó xây dựng cho GV động lực, tâm huyết hơn và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Để thực hiện tốt vấn đề này, đòi hỏi lãnh đạo các trường ĐH, CĐ cần xác định đúng chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường các hoạt động giáo dục cho đội ngũ GVT về quan điểm, chủ trương phát triển khoa học và công nghệ trong điều kiện hội nhập quốc tế, cùng các văn bản, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học và quy chế, quy định,... và hoạt động NCKH của mỗi trường ĐH, CĐ, từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hình thành nhu cầu NCKH đúng đắn cho đội ngũ GVT và phải được tiến hành thường xuyên nhằm tạo dựng cho họ cảm xúc hưng phấn, say mê, hứng thú trong hoạt động NCKH. Chính quá trình tích cực, chủ động của đội ngũ GVT tham gia các hoạt động NCKH cũng là quá trình GV từng bước hoàn thiện phương pháp, tác phong và KN NCKH của mình. Vì vậy, đội ngũ GVT cần tận dụng thời gian, nghiên cứu kỹ kế hoạch, nắm chắc đặc điểm, yêu cầu, nội dung, quy trình, hình thức, phương pháp, KN NCKH để xác định rõ trách nhiệm của mình trong tham gia các hình thức NCKH; giải quyết hài hoà

2.3.2. Chủ động, tích cực tổ chức tốt các hoạt động bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT

KN NCKH của đội ngũ GVT được hình thành, phát triển thông qua một quá trình phù hợp với quy luật tâm lý, quy luật nhận thức. Bắt đầu từ việc lĩnh hội kiến thức và tích lũy kinh nghiệm NCKH đến việc rèn luyện KN thông qua thực tiễn NCKH. Vì vậy, cần coi trọng việc tổ chức bồi dưỡng các KN cơ bản trong quá trình nghiên cứu, tạo dựng môi trường

NCKH thuận lợi, tích cực lôi cuốn GVT vào các hình thức nghiên cứu khoa học. Để bồi dưỡng KN nghiên cứu khoa học cần tập trung vào mấy vấn đề sau: - Về nội dung bồi dưỡng KN NCKH. Bồi dưỡng tính tích cực, độc lập, sáng tạo trong phát hiện, lựa chọn, tiếp cận các vấn đề khoa học, dám đi vào giải quyết những vấn đề khó, mới, phức tạp, không sợ thất bại, kiên trì vượt qua những thử thách trên con đường khoa học cho đội ngũ GVT. Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, khả năng quan sát, phân tích tình hình thực tiễn, phân tích đối tượng nghiên cứu, giúp cho GVT nâng cao trình độ tư duy khoa học, khả năng nhạy bén, sắc sảo trong lựa chọn đối tượng, phạm vi, khách thể nghiên cứu, đảm bảo cho những vấn đề được lựa chọn nghiên cứu thực sự thiết thực, phục vụ cho nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của mỗi trường.

### 3. Kết luận

NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính trị trọng tâm ở các TĐH, CĐ hiện nay, trong đó NCKH của đội ngũ GVT giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Vì vậy, bồi dưỡng KN NCKH cho đội ngũ GVT là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết, nhưng cũng rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều tổ chức, lực lượng bằng nhiều hình thức, biện pháp để tiến hành bồi dưỡng có hiệu quả, góp phần nuôi dưỡng hoài bão, niềm đam mê sáng tạo và không ngừng học hỏi để đội ngũ GVT làm chủ và chiếm lĩnh đỉnh cao của khoa học trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT, ngày 30/05/2011 về Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội.

2. Chính phủ (2014). *Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định về việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*. Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012). *Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6, khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.

4. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2011), *Lí luận dạy học đại học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

5. Trần Mai Ước (2011), *Giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập*, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, TĐH Ngân hàng TP.HCM, Số 67, tr.59.